

BỘ NỘI VỤ
TRUNG TÂM LAO ĐỘNG
NGOÀI NƯỚC

Số: 01 /TTLĐNN-TCLĐ

V/v thông báo danh sách người lao động
xuất cảnh đi làm việc tại Hàn Quốc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 06 tháng 01 năm 2026

Kính gửi: Sở Nội Vụ

Trung tâm Lao động ngoài nước trân trọng thông báo đến quý Sở danh sách người lao động xuất cảnh vào ngày 13/01/2026 (*danh sách kèm theo*). Để công tác tổ chức xuất cảnh được thực hiện đúng kế hoạch, tuân thủ các quy định, Trung tâm Lao động ngoài nước trân trọng đề nghị quý Sở phối hợp thông báo đến người lao động những nội dung như sau:

1. Kế hoạch tổ chức xuất cảnh:

1.1. Kế hoạch tổ chức xuất cảnh:

- Thời gian hướng dẫn thủ tục xuất cảnh: **07h30**

1.2 Địa điểm tập trung và khám sức khỏe

- **Địa điểm tập trung làm thủ tục xuất cảnh, khám sức khỏe và xét nghiệm: Khách sạn Khăn Quàng Đỏ - số 94 ngõ 189 đường Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội.**

Nội dung khám: Xét nghiệm Giang mai, chất gây nghiện, chẩn đoán thai sản (đối với nữ), chụp X-Quang tim phổi.

- Đối với nội dung chụp X-Quang tim phổi chỉ thực hiện đối với người lao động có thời gian kể từ khi khám sức khỏe tại khóa học định hướng đến ngày xuất cảnh : trên 03 tháng;

- Tiền khám sức khỏe: chụp X-Quang tim phổi: 65.000 đồng, xét nghiệm Giang mai: 60.000 đồng; xét nghiệm chất gây nghiện: 150.000 đồng, chẩn đoán thai sản: 30.000 đồng. Người lao động nộp tiền khám sức khỏe trực tiếp cho bệnh viện khám sức khỏe (cán bộ bệnh viện hướng dẫn thủ tục khám sức khỏe chị Tú, số điện thoại: 097.760.2525)

- Người lao động có nhu cầu đặt phòng ở liên hệ với Khách sạn Khăn Quàng Đỏ theo số điện thoại: 024.3723.6727 để được hỗ trợ.

2. Người lao động cần chuẩn bị khi đến tập trung xuất cảnh:

- **Mang theo các loại giấy tờ sau:**

+ 01 Giấy xác nhận ký quỹ; 01 bản Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc; 01 bản Hợp đồng ký quỹ.

+ 04 ảnh kích thước 3cmx4cm, bút bi, 01 điện thoại smart phone có sử dụng sim 3G hoặc 4G.

+ Giấy tờ mang theo để mở tài khoản ngân hàng tại Hàn Quốc: Căn cước công dân (bản gốc và 02 bản photocopy có chứng thực); 02 bản photocopy Hộ chiếu; 03 hợp đồng ký giữa doanh nghiệp Hàn Quốc với người lao động; **thông tin**

về mã số thuế cá nhân (người lao động có thể đăng ký mã số thuế cá nhân theo hình thức trực tuyến tại trang thông tin điện tử của Tổng cục thuế).

- Nộp cho Trung tâm Lao động ngoài nước (các khoản thu hộ) như sau:

+ Phí soi chiếu an ninh tại sân bay Nội Bài: 10,5 USD gồm 1,5 USD tiền phí dịch vụ soi chiếu an ninh tại sân bay Nội Bài và 9 USD tiền tăng phí dịch vụ hành khách tại sân bay quốc tế Nội Bài áp dụng từ ngày 01/01/2015 (quy đổi theo tỷ giá do hãng hàng không thông báo vào ngày lao động xuất cảnh);

+ Người lao động nộp bù hoặc được Trung tâm Lao động ngoài nước hoàn trả tiền chênh lệch vé máy bay theo tỷ giá giữa thời điểm nộp tiền và thời điểm xuất cảnh (nếu có).

+ Tham gia Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước: 100.000 đồng

+ Chi phí tổ chức xuất cảnh: 90.000 đồng

- **Nộp cho đơn vị cung cấp đồng phục xuất cảnh:** trang phục (mùa đông): 295.000 đồng

Trung tâm thu tiền bằng hình thức chuyển khoản: người lao động nộp các khoản tiền xuất cảnh theo hướng dẫn tại link sau: : <https://zalo.me/g/lxsrxp857>

Thời gian hoàn thành việc nộp tiền: trước 14h00 ngày 12 tháng 01 năm 2026

Lưu ý: Trường hợp người lao động đã nộp tiền nhưng không xuất cảnh vì các lý do khác nhau, đề nghị đến trụ sở Trung tâm Lao động ngoài nước – số 1 Trịnh Hoài Đức – Ô Chợ Dừa – Hà Nội để nhận lại các khoản tiền đã nộp (nếu có) trong ngày 14/01/2026.

- **Các khoản tiền nộp tại Hàn Quốc:** người lao động mang theo khoảng 500 USD để mua bảo hiểm rủi ro và bảo hiểm hồi hương;

3. Một số nội dung khác

- Người lao động được mang tối đa 23kg hành lý ký gửi và 10kg hành lý xách tay khi xuất cảnh; **tuyệt đối không được mang các loại lương thực và thực phẩm được làm từ thịt, thủy hải sản, các loại rau, củ, quả và các loại hàng hóa bị Hàn Quốc cấm mang theo khi nhập cảnh và không được vận chuyển theo quy định của các hãng hàng không.** Trung tâm Lao động ngoài nước sẽ kiểm tra hành lý của người lao động tại nơi tập trung xuất cảnh, nếu phát hiện mang các hàng hóa thuộc danh mục bị cấm nêu trên, sẽ tạm dừng xuất cảnh, xử lý theo quy định.

- Trang phục khi tập trung thực hiện thủ tục xuất cảnh: yêu cầu người lao động mặc quần dài tối màu, đi giày thể thao; áo và mũ đồng phục được phát tại điểm tập trung.

- Trước khi xuất cảnh, người lao động không nên tổ chức liên hoan, chia tay; không nên tham gia các hoạt động tập trung đông người do **thời gian gần đây, một số trường hợp người lao động liên hoan chia tay, bị tai nạn dẫn đến không đủ điều kiện xuất cảnh bị chủ sử dụng lao động hủy hợp đồng.**

- Để tránh trường hợp người lao động sau khi nhập cảnh Hàn Quốc, phải về nước vì lý do kết quả xét nghiệm dương tính với chất gây nghiện, **đề nghị quý Sở**

khuyến cáo người lao động trước thời gian xuất cảnh (khoảng 3-4 ngày) không sử dụng các loại thuốc có thành phần là Codein, Scopolamin, các hoạt chất có trong cây thuốc phiện, bao gồm các loại thuốc sau đây: thuốc ho, thuốc giảm đau, thuốc chống say tàu xe, thuốc đi ngoài, thuốc chống nôn.

- Sau khi nhập cảnh phải tuyệt đối tuân thủ các quy của cơ quan chức năng Hàn Quốc, trong trường hợp vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của Hàn Quốc và có thể bị yêu cầu về nước.

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của quý Sở./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc TT (để b/c)
- Lãnh đạo TT;
- P.TCKT, P.ĐT, VP (để t/h);
- P.QL và HTLĐ (để nhắn tin);
- Lưu: VT, TCLĐ.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



★Phạm Ngọc Lan

3UN
.AO
30A

DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG XUẤT CẢNH NGÀY 13/01/2026
(Kèm theo Công văn số 04 /TTLDNN-TCLĐ ngày 06 /01/2026 của Trung tâm Lao động ngoài nước)

Stt	Thẻ tên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành	Số báo danh	Đăng ký dự tuyển	Ghi chú (Theo đơn vị tỉnh/tp trước ngày 01/7/2025)
1	MA-1	Bùi Văn Chương	08/09/2001	Nam	SXCT	0082024C50306421	Phú Thọ	Phú Thọ
2	MA-2	Trần Hữu Nhâm	31/10/2002	Nam	SXCT	0082024C50334001	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh
3	MA-3	Cao Chí Anh	11/04/2003	Nam	SXCT	0082024C50306490	Phú Thọ	Phú Thọ
4	MA-4	Lê Như Giang	02/12/2002	Nam	SXCT	0082024C50316455	Thanh Hóa	Thanh Hóa
5	MA-5	Lê Trọng Anh	15/05/2001	Nam	SXCT	0082024C50317883	Thanh Hóa	Thanh Hóa
6	MA-6	Trần Văn Khánh	25/10/2002	Nam	SXCT	0082024C50324020	Nghệ An	Nghệ An
7	MA-7	Phan Thị Trà Giang	02/04/1993	Nữ	SXCT	0082024C50311449	Hung Yên	Thái Bình
8	MA-8	Bùi Huy Hoàng	11/09/2000	Nam	SXCT	0082024C50320304	Thanh Hóa	Thanh Hóa
9	MA-9	Lê Văn Đức	17/02/1998	Nam	SXCT	0082024C50316418	Thanh Hóa	Thanh Hóa
10	MA-10	Nguyễn Hoàng Dương	09/06/2000	Nam	SXCT	0082024C50340178	Hà Nội	Hà Nội
11	MA-11	Nguyễn Minh Đức	03/01/1998	Nam	SXCT	0082024C50316528	Thanh Hóa	Thanh Hóa
12	MA-12	Nguyễn Ngọc Huy	16/06/1998	Nam	SXCT	0082024C50314394	Thanh Hóa	Thanh Hóa
13	MA-13	Nguyễn Văn Quyết	20/09/2000	Nam	SXCT	0082024C50308465	Bắc Ninh	Bắc Ninh
14	MA-14	Nguyễn Văn Tuấn	17/09/1998	Nam	SXCT	0082024C50314392	Thanh Hóa	Thanh Hóa
15	MA-15	Phan Đức Triều	13/03/2000	Nam	SXCT	0082024C50325803	Nghệ An	Nghệ An
16	MA-16	Trịnh Xuân Công	02/08/1999	Nam	SXCT	0082024C50317161	Thanh Hóa	Thanh Hóa
17	MA-17	Vi Văn Mười	09/09/2000	Nam	SXCT	0082024C50308107	Bắc Ninh	Bắc Giang
18	MA-18	Bùi Văn Linh	25/10/2003	Nam	SXCT	0082024C50330008	Quảng Trị	Quảng Bình
19	MA-19	Đoàn Công Tuấn	23/09/2003	Nam	SXCT	0082024C50319886	Thanh Hóa	Thanh Hóa
20	MA-20	Lê Ngọc Tài	09/04/2005	Nam	SXCT	0082024C50325256	Nghệ An	Nghệ An

21	MA-21	Lê Tiến Hưng	08/09/2005	Nam	SXCT	0082024C50306091	Phú Thọ	Phú Thọ
22	MA-22	Nguyễn Mạnh Hùng	04/04/2002	Nam	SXCT	0082024C50310276	Ninh Bình	Nam Định
23	MA-23	Lê Lý Hoành	25/06/1990	Nam	SXCT	0082024C50331362	Quảng Trị	Quảng Trị
24	MA-24	Lê Văn Ly	01/01/1990	Nam	SXCT	0082024C50331582	Quảng Trị	Quảng Trị
25	MA-25	Bùi Đức Kiên	25/11/2003	Nam	SXCT	0082024C50310057	Ninh Bình	Nam Định
26	MA-26	Bùi Quang Minh	08/12/2001	Nam	SXCT	0082024C50321163	Thanh Hóa	Thanh Hóa
27	MA-27	Bùi Trọng Tâm	01/10/2001	Nam	SXCT	0082024C50323977	Nghệ An	Nghệ An
28	MA-28	Hồ Sỹ Sáng	30/08/2004	Nam	SXCT	0082024C50314371	Thanh Hóa	Thanh Hóa
29	MA-29	Hoàng Văn Kiên	20/08/1998	Nam	SXCT	0082024C50324863	Nghệ An	Nghệ An
30	MA-30	Lê Duy Quân	10/08/2003	Nam	SXCT	0082024C50316974	Thanh Hóa	Thanh Hóa
31	MA-31	Nguyễn Hoàng Phúc	03/06/2005	Nam	SXCT	0082024C50335893	Gia Lai	Gia Lai
32	MA-32	Nguyễn Thanh Tùng	18/10/2002	Nam	SXCT	0082024C50311092	Hung Yên	Thái Bình
33	MA-33	Văn Đức Anh	14/03/2003	Nam	SXCT	0082024C50325941	Nghệ An	Nghệ An
34	MA-34	Võ Minh Quân	15/05/2004	Nam	SXCT	0082024C50323972	Nghệ An	Nghệ An
35	MA-35	Bùi Văn Bình	01/06/2005	Nam	SXCT	0082024C50321074	Thanh Hóa	Thanh Hóa
36	MA-36	Lê Đình Thuận	01/04/2005	Nam	SXCT	0082024C50316951	Thanh Hóa	Thanh Hóa
37	MA-37	Đào Bá Đức	03/10/2005	Nam	SXCT	0082024C50300739	Hà Nội	Hà Nội
38	MA-38	Lê Văn Điệp	25/08/2005	Nam	SXCT	0082024C50325613	Nghệ An	Nghệ An
39	MA-39	Mai Xuân Trường	11/10/2005	Nam	SXCT	0082024C50310734	Ninh Bình	Nam Định
40	MA-40	Nguyễn Công Trường	12/11/2003	Nam	SXCT	0082024C50300730	Hà Nội	Hà Nội
41	MA-41	Nguyễn Doãn Tính	10/11/2004	Nam	SXCT	0082024C50345150	Thanh Hóa	Thanh Hóa
42	MA-42	Hà Thanh Tùng	20/04/2002	Nam	SXCT	0082025C50833261	Gia Lai	Bình Định
43	MA-43	Lê Quang Linh	04/11/1999	Nam	SXCT	0082024C50312528	Ninh Bình	Ninh Bình

44	MA-44	Nguyễn Thị Kiều Vy	10/01/2005	Nữ	SXCT	0082024C50339806	Cà Mau	Cà Mau
45	MA-45	Đỗ Quang Long	12/11/2004	Nam	SXCT	0082024C50303856	Ninh Bình	Hà Nam
46	MA-46	Hán Hải Đường	11/10/2005	Nam	SXCT	0082024C50306065	Phú Thọ	Phú Thọ
47	MA-47	Hoàng Thị Thúy	11/04/2001	Nữ	SXCT	0082024C50330350	Quảng Trị	Quảng Bình
48	MA-48	Lê Thạch Thảo	24/10/1996	Nữ	SXCT	0082024C50309303	Quảng Ninh	Quảng Ninh
49	MA-49	Lê Thị Thuý Dương	05/05/1996	Nữ	SXCT	0082024C50332892	Đà Nẵng	Quảng Nam
50	MA-50	Nguyễn Thị Vân Anh	08/04/2004	Nữ	SXCT	0082024C50305795	Phú Thọ	Phú Thọ
51	MA-51	Nhữ Thị Thùy Linh	21/12/2003	Nữ	SXCT	0082024C50303890	Ninh Bình	Hà Nam
52	MA-52	Nguyễn Trung Phong	13/07/2004	Nam	SXCT	0082024C50305926	Phú Thọ	Phú Thọ
53	MA-53	Trần Phương Đạt	15/05/2004	Nam	SXCT	0082024C50305995	Phú Thọ	Phú Thọ
54	MA-54	Nguyễn Thế Trung	06/03/1992	Nam	SXCT	0082024C50307789	Bắc Ninh	Bắc Giang
55	MA-55	Hồ Sỹ Công	15/05/1999	Nam	SXCT	0082024C50325811	Nghệ An	Nghệ An
56	MA-56	Phạm Văn Hải	10/07/2002	Nam	SXCT	0082024C50315864	Thanh Hóa	Thanh Hóa
57	MA-57	Cao Như Nguyễn	15/08/2000	Nữ	SXCT	0082024C50339899	Cà Mau	Cà Mau
58	MA-58	Nguyễn Hồng Vân	18/12/2005	Nữ	SXCT	0082024C50303988	Ninh Bình	Hà Nam
59	MA-59	Đào Văn Định	21/03/1995	Nam	SXCT	0082024C50310488	Ninh Bình	Nam Định
60	MA-60	Hoàng Thị Thuý	06/06/1999	Nữ	SXCT	0082024C50316535	Thanh Hóa	Thanh Hóa
61	MA-62	Nguyễn Hữu Nghĩa	16/02/1993	Nam	SXCT	0082024C50339856	Cà Mau	Cà Mau
62	MA-63	Lê Trung Thành	19/08/1999	Nam	SXCT	0082024C50319459	Thanh Hóa	Thanh Hóa
63	MA-64	Nguyễn Long Vỹ	14/06/2002	Nam	SXCT	0082024C50329621	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh
64	MA-65	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	11/04/2005	Nữ	SXCT	0082024C50306953	Bắc Ninh	Bắc Giang
65	MA-66	Nguyễn Nhi Đồng	17/08/1999	Nam	SXCT	0082025C50837787	Đồng Tháp	Đồng Tháp
66	MA-67	Nguyễn Anh Quân	03/02/2003	Nam	SXCT	0082024C50326217	Nghệ An	Nghệ An

67	MA-68	Nguyễn Huy Hợp	20/02/2001	Nam	SXCT	0082024C50319764	Thanh Hóa	Thanh Hóa
68	MA-69	Nguyễn Trường Giang	21/09/2001	Nam	SXCT	0082024C50324899	Nghệ An	Nghệ An
69	MA-70	Đinh Thị Vân	10/01/1998	Nữ	SXCT	0082024C50311813	Ninh Bình	Ninh Bình
70	AG-1	Phan Thị Diễm Huỳnh	16/11/2005	Nữ	Nông nghiệp	0082025C50204700	Đồng Tháp	Đồng Tháp
71	AG-2	Lại Thị Xoan	30/07/1992	Nữ	Nông nghiệp	0082024C50370543	Bắc Ninh	Bắc Giang
72	AG-3	Ngô Thị Thu Kiều	11/01/2000	Nữ	Nông nghiệp	0082024C50371954	Quảng Trị	Quảng Bình
73	AG-4	Trần Trịnh Ngọc Huyền	09/05/2000	Nữ	Nông nghiệp	0082024C50372819	An Giang	Kiên Giang
74	AG-5	Nguyễn Văn Minh	30/04/2003	Nam	Nông nghiệp	0082024C50373116	Nghệ An	Nghệ An
75	AG-6	Bùi Văn Sự	11/09/1998	Nam	Nông nghiệp	0082024C50373120	Nghệ An	Nghệ An
76	AG-7	Nguyễn Thị Hường	29/07/1992	Nữ	Nông nghiệp	0082023C50534665	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh
77	AG-8	Vi Văn Tú	28/02/1996	Nam	Nông nghiệp	0082023C50533806	Nghệ An	Nghệ An
78	AG-9	Lý Tà Mây	30/12/2002	Nữ	Nông nghiệp	0082023C50530493	Lào Cai	Lào Cai
79	AG-10	Phạm Văn Dân	06/02/1999	Nam	Nông nghiệp	0082023C50533502	Thanh Hóa	Thanh Hóa
80	AG-11	Trương Văn Quý	27/09/1990	Nam	Nông nghiệp	0082024C50373136	Nghệ An	Nghệ An
81	AG-12	Lê Phạm Thị Minh	17/10/2004	Nữ	Nông nghiệp	0082022C51120897	Thanh Hóa	Thanh Hóa
82	AG-13	Ngô Thị Huyền	11/08/2004	Nữ	Nông nghiệp	0082022C51120830	Thanh Hóa	Thanh Hóa
83	AG-14	Nguyễn Thị Vân Anh	27/02/2002	Nữ	Nông nghiệp	0082022C51120829	Thanh Hóa	Thanh Hóa
84	AG-15	Lê Thị Phượng	31/03/2003	Nữ	Nông nghiệp	0082022C51120903	Thanh Hóa	Thanh Hóa
85	AG-16	Trương Thị Thúy	11/01/2004	Nữ	Nông nghiệp	0082022C51120723	Thanh Hóa	Thanh Hóa
86	AG-17	Lương Văn Hội	10/10/1993	Nam	Nông nghiệp	0082023C50531871	Bắc Ninh	Bắc Giang
87	AG-18	Lê Văn Tiếp	25/08/1995	Nam	Nông nghiệp	0082023C50533207	Thanh Hóa	Thanh Hóa
88	AG-19	Triệu Phụ Quân	28/01/1997	Nam	Nông nghiệp	0082024C50374008	Lào Cai	Lào Cai